

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ HỢP LỰC**

Số: 10/2022/CV-UNICAP

V/v: *Đính chính Báo cáo Tỷ lệ an
toàn tài chính 6 tháng năm 2022
đã soát xét*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực**

Trụ sở chính : Số 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 24 3219 1962

Fax : +84 24 3219 1963

Ngày 15/08/2022, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực đã công bố Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 6 tháng năm 2022 đã soát xét. Tuy nhiên, qua rà soát chúng tôi phát hiện có sai sót.

Vì vậy, chúng tôi gửi công văn này nhằm đính chính và điều chỉnh lại thông tin trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 6 tháng năm 2022.

Nguyên nhân: Sửa lỗi kỹ thuật số liệu chỉ tiêu Tổng giá trị rủi ro trên Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng tại ngày 30/06/2022 là 5.008.605.736 VND thay vì 5.000.000.000 VND trên Báo cáo đã phát hành.

Chi tiết xin vui lòng xem Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 6 tháng năm 2022 đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này. Kính mong được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐÔNG HẢI

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	4 - 5
4. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6
5. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	7
6. Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	8 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305706456 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 6 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 35/UBCK-GP cấp lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh,... Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 46/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2019.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Website : www.unicap.com.vn
- Email : info@unicap.com.vn
- Điện thoại : +84 (024) 3219 1962
- Fax : +84 (024) 3219 1963

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo các giấy phép đã được cấp là: quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Ông Lã Quý Hiển	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Bà Huỳnh Dương Thị Diễm Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Ông Chu Tiến Vượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Bà Huỳnh Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trung Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Phương Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Bà Đỗ Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đông Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2022
Ông Đinh Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2022
Ông Đàm Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022
Ông Tống Trường Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022
		Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
		Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật cũ là Ông Lã Quý Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 43/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 6 năm 2018).

Người đại diện theo pháp luật tính đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đàm Mạnh Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 3814/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 4314/2022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 5014/2022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2022).

Ông Đàm Mạnh Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Đông Hải – Tổng Giám đốc được quyền ký các báo cáo (định kỳ, bất thường, theo yêu cầu), văn bản, giấy tờ với/gửi các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền,... theo Giấy ủy quyền số 1006/2022/UQ-UNICAP ngày 10 tháng 6 năm 2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (sau đây gọi là “các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính”) trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công bố của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã được lập và trình bày phù hợp với các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022



Nguyễn Đông Hải
Tổng Giám đốc



No. 1.1438/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 9 năm 2022, từ trang 06 đến trang 25. Báo cáo này đã được Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (sau đây gọi là “các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính”).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận và nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với các quy định về lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập và giới hạn về sử dụng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số II.1 và thuyết minh số III mô tả các quy định áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Đồng thời, như trình bày ở thuyết minh số II.2, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo soát xét này được phát hành để thay thế cho Báo cáo soát xét số 1316/2022/TC-AC ngày 15 tháng 8 năm 2022 nhằm mục đích sửa lỗi kỹ thuật số liệu chỉ tiêu Tổng giá trị rủi ro trên Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 5.008.605.736 VND thay vì 5.000.000.000 VND trên Báo cáo đã phát hành và lỗi kỹ thuật tại mục V.1.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do chưa thể hiện đủ số liệu giá trị sổ sách của các khoản phải thu các tổ chức khác với số tiền là 107.571.706 VND và giá trị rủi ro tương ứng là 8.605.736 VND. Ngoài các nội dung này, chúng tôi không xem xét thêm bất cứ vấn đề nào khác phát sinh từ thời điểm phát hành Báo cáo soát xét số 1316/2022/TC-AC ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Số: 09/2022/UNICAP-CV

TP. Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Diệu Thảo
Trưởng BP Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Đông Hải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng (VND)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	IV	-
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	V	8.605.736
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	VI	5.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		5.008.605.736
5	Vốn khả dụng	VII	31.967.744.153
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4) (%)		638,26%

TP. Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diệu Thảo
Trưởng BP Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Đông Hải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305706456 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 6 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ theo Giấy phép số 35/UBCK-GP cấp lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh,.... Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 46/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2019.

2. Địa chỉ liên hệ

Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi mới nhất của Công ty ban hành ngày 15 tháng 7 năm 2022.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 31.967.744.153 VND, tổng tài sản là 32.010.684.926 VND.

- Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động chính của Công ty là: quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

- Cấu trúc:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

5. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 9 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12 nhân viên). Trong đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 9 nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính (“Thông tư số 91”) quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Thông tư số 91 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế cho Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 do Bộ Tài chính ban hành quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2. Mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

3. Đồng tiền báo cáo

Công ty thực hiện lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bằng Đồng Việt Nam (VND).

4. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm (hoặc “năm tài chính”) của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định tại Thông tư số 91 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

2. Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư số 91, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, cụ thể như sau:

- Vốn góp của chủ sở hữu, không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (thuyết minh số III.2.1);
- Các khoản tăng thêm (thuyết minh số III.2.2);
- Vốn khác (nếu có).

2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản bảo đảm để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài sản bảo đảm;
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ với các tổ chức và cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài sản bảo đảm;
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Đối với các khoản mục giảm trừ khỏi vốn khả dụng được bảo đảm bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau:

- Giá trị sổ sách của khoản mục giảm trừ;
- Giá trị tài sản bảo đảm cho khoản mục giảm trừ được xác định bằng: Khối lượng tài sản bảo đảm x Giá tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường) theo thuyết minh số III.4.3.

Giá thị trường của tài sản được xác định theo quy định của Thông tư số 91. Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi giá trị các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thỏa mãn tất cả quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Thông tư số 91.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường tài sản của Công ty biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường đối với các tài sản là: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số lượng chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Thông tư số 91.

3.2 Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn 2 tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của trái phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: giá mua, mệnh giá, giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế: giá niêm yết trên hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có), giá mua, mệnh giá, giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết căn cứ giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom căn cứ giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách, giá mua, giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách, mệnh giá, giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị cổ phiếu là giá trị tối thiểu trong các giá trị sau: giá từ các báo giá, giá của kỳ báo cáo gần nhất, giá trị sổ sách, giá mua, giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách, giá mua/giá trị vốn góp, giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

3.3 *Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm*

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định rủi ro thị trường.

4. *Giá trị rủi ro thanh toán*

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD; các khoản cho vay đối với các tổ chức và cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:
Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả các chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

4.1 *Hệ số rủi ro thanh toán*

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Thông tư số 91.

4.2 *Giá trị tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Thông tư số 91.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- a. *Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bán thân Công ty*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)}), 0\}$
3	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản bảo đảm} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm}), 0\}$

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại chi phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo thuyết minh số III.4.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo thuyết minh số III.3.2.

- b. *Hoạt động giao dịch chứng khoán*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
A- Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1	Trước thời gian nhận thanh toán	0
2	Sau thời gian nhận thanh toán	$\text{Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)}$ $0 \text{ (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)}$
B- Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	$\text{Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)}$ $0 \text{ (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)}$

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết), hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

c. *Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

4.3 Giảm trừ giá trị tài sản bảo đảm

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản bảo đảm = Khối lượng tài sản x Giá trị tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức và cá nhân liên quan (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức và cá nhân liên quan (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức và cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

4.5 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liên kế tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác.

IV. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0	31.903.113.220	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3	-	-
III. Trái phiếu của Tổ chức tín dụng				
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại trên 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch	10	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở			
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	-	-
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	-	-
21	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100	-	-
22	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
123	Các tài sản đầu tư khác	80	-	-
V. Rủi ro tăng thêm				-
Tổng giá trị rủi ro thị trường (I+II+III+IV+V)				-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

V. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro (VND)
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (thuyết minh số V.1)	8.605.736
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (thuyết minh số V.2)	-
Rủi ro tăng thêm	-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	8.605.736

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

1. Rủi ro trước hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán cho các khoản mục chưa đến hạn thanh toán được xác định như sau:

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)					Tổng giá trị rủi ro (VND)
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (xem thuyết minh số V.1.1)	-	-	-	-	8.605.736	8.605.736
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán							8.605.736

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức và cá nhân khác	8%

1.1 Tiền gửi kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

	Giá trị sổ sách (VND)	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)
Sở Giao dịch, Trung tâm lưu ký	-	1	-
Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính	-	6	-
Các tổ chức khác	107.571.706	8	8.605.736
Cộng	107.571.706		8.605.736

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Qui mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	-	-
	Cộng		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

3. Rủi ro tăng thêm

Không có.

VI. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
1	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 6 năm 2022	1.715.961.191
2	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	-
3	Tổng chi phí sau khi giảm trừ [(3) = (1) - (2)]	1.715.961.191
4	25% tổng chi phí sau khi giảm trừ [(4) = 25% (3)]	428.990.298
5	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán (25% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán có nghiệp vụ chứng khoán phái sinh).	5.000.000.000
Tổng giá trị rủi ro hoạt động (Max{4, 5})		5.000.000.000

VII. VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giá trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	100.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)		-	
3	Cổ phiếu quỹ		-	
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)		-	
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)		-	
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(68.032.255.847)		
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản		-	
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định		-	
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			-
14	Vốn khác (nếu có)		-	
1A	Tổng			31.967.744.153
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6			-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1	Phải thu của khách hàng			
	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán			-
3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
6	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			-
IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn			-



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		-	
4.1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng			-
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể các phải thu từ hoạt động ủy thác			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		-	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu dài hạn khác			
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	
II	Tài sản cố định		-	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6		-	



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
3	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài			-
4	Đầu tư dài hạn khác			-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			-
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>			
1	Chi phí trả trước dài hạn			-
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-
3	Ký quỹ, ký cược dài hạn			-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6			-
1C	Tổng			-
Vốn khả dụng = 1A - 1B - 1C				31.967.744.153

VIII. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diệu Thảo
Trưởng BP Kiểm soát nội bộ

TP. Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2022



Nguyễn Đông Hải
Tổng Giám đốc